

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẮNG BOM
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2018/DS-ST
Ngày: 26-11-2018
V/v “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẮNG BOM- TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

+ *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Mạnh Dân.

+ *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Đặng Quang Hoạch và ông Doãn Đức Hùng.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:* Bà Phạm Thị Thu Hiền- Kiểm sát viên.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Phan Thị Hồng Phúc-Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

Ngày 26 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 178/2018/TLST-DS Ngày 23 tháng 8 năm 2018 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 178/2018/QĐXXST-DS Ngày 08 tháng 11 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Quỹ tín dụng nhân dân T. Trụ sở: Số B26 đường 29/4, khu phố 5, thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Chị Lê Thị T, sinh năm 1990. Trú tại: Ấp Q, xã Q, huyện T, tỉnh Đồng Nai. Là nhân viên của Quỹ tín dụng T và là người đại diện theo ủy quyền tại văn bản ủy quyền Ngày 23/8/2018 (Có mặt).

2. Bị đơn: Anh Hà Thanh Tr, sinh năm 1985 và bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1959. Cùng trú tại: Khu phố 4, thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Nai (Xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn, chị Lê Thị T trình bày: Ngày 22/6/2017, bà Nguyễn Thị N, anh Hà Thanh Tr và Quỹ tín dụng nhân dân T ký “Hợp đồng tín dụng vốn lãi chia đều” số 1- 0002788 (kèm theo Phụ lục); theo đó, Quỹ tín dụng nhân dân T cho bà N và anh Tr vay số tiền 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng) để sửa nhà; lãi suất 18%/năm; thời hạn vay 24 tháng; phương thức trả nợ là trả gốc và lãi hàng tháng; không có tài sản đảm bảo tiền

vay. Quá trình thực hiện hợp đồng, bà N và anh Tr mới trả được lãi 03 kỳ với tổng số tiền là 1.350.000 đồng và gốc 07 kỳ với tổng số tiền là 8.691.000 đồng. Sau đó, bà N và anh Tr đã không trả nợ gốc và lãi theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng. Quỹ tín dụng nhân dân T đã nhiều lần đôn đốc, nhắc nợ nhưng bà N, anh Tr vẫn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ dẫn đến toàn bộ khoản nợ đã chuyển sang nợ quá hạn. Vì vậy, Quỹ tín dụng nhân dân T khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị N và anh Hà Thanh Tr có nghĩa vụ liên đới trả các khoản tiền sau:

- Tổng số tiền nợ tính đến ngày 26/11/2018 là: 36.466.500 đồng; bao gồm:
 - + Tiền dư nợ gốc là: 21.309.000 đồng;
 - + Tiền lãi trễ hạn: 6.360.000 đồng;
 - + Tiền lãi phạt quá hạn: 8.797.500 đồng.

- Tiền lãi phát sinh tiếp theo tính từ ngày 27/11/2018 cho đến khi bà Nguyễn Thị N và anh Hà Thanh Tr trả hết nợ theo lãi suất mà các bên đã thỏa thuận trong “Hợp đồng tín dụng vốn lãi chia đều” số 1-0002788 Ngày 22/6/2017 mà các bên đã ký.

- Phần nghĩa vụ liên đới nêu trên của bà N và anh Tr là bằng nhau.

Quỹ tín dụng nhân dân T không đồng ý bỏ số tiền lãi theo yêu cầu của bị đơn.

Trong giai đoạn chuẩn bị xét, xử, bị đơn- bà Nguyễn Thị N trình bày: Ngày 22/6/2017, bà Nguyễn Thị N, anh Hà Thanh Tr và Quỹ tín dụng nhân dân T ký “Hợp đồng tín dụng vốn lãi chia đều” số 1-0002788; theo đó, Quỹ tín dụng nhân dân T cho bà N và anh Tr vay số tiền 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng) để sửa nhà; lãi suất 18%/năm; thời hạn vay 24 tháng; phương thức trả nợ là trả gốc và lãi hàng tháng; không có tài sản đảm bảo tiền vay. Quá trình thực hiện hợp đồng, bà N và anh Tr mới trả được lãi 03 kỳ và gốc 07 kỳ. Sau đó, bà N và anh Tr đều bị bệnh phải đi chữa trị nên đã không có tiền để trả cho Quỹ tín dụng theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng. Nay bà N chỉ đồng ý trả cho Quỹ tín dụng số nợ gốc còn lại là 21.309.000 đồng, còn tiền lãi thì bà N không đồng ý trả vì chưa đến hạn. Bà N xin vắng mặt.

Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, bị đơn- anh Hà Thanh Tr trình bày: ngày 22/6/2017, bà Nguyễn Thị N, anh Hà Thanh Tr và Quỹ tín dụng nhân dân T ký “Hợp đồng tín dụng vốn lãi chia đều” số 1-0002788; theo đó, Quỹ tín dụng nhân dân T cho bà N và anh Tr vay số tiền 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng) để sửa nhà; lãi suất 18%/năm; thời hạn vay 24 tháng; phương thức trả nợ là trả gốc và lãi hàng tháng; không có tài sản đảm bảo tiền vay. Quá trình thực hiện hợp đồng, bà N và anh Tr mới trả được lãi 03 kỳ và gốc 07 kỳ. Sau đó, bà N và anh Tr đều bị bệnh phải đi chữa trị nên đã không có tiền để trả cho Quỹ tín dụng theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng. Nay anh Tr đồng ý trả cho Quỹ tín dụng số nợ gốc còn lại là 21.309.000 đồng, còn tiền lãi thì anh Tr xin Quỹ tín dụng không tính nữa vì hiện tại hoàn cảnh kinh tế của bà N và anh Tr hết sức khó khăn. Anh Tr xin vắng mặt.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng là đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Nguyên đơn và bị đơn đều khai thống nhất: Ngày 22/6/2017, bà Nguyễn Thị N, anh Hà Thanh Tr và Quỹ tín dụng nhân dân T ký “Hợp đồng tín dụng vốn lãi chia đều” số 1-0002788; theo đó, Quỹ tín dụng nhân dân T cho bà N và anh Tr vay số tiền 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng) để sửa nhà; lãi suất 18%/năm; thời hạn vay 24 tháng; phương thức trả nợ là trả gốc và lãi hàng tháng; không có tài sản đảm bảo tiền vay. Quá trình thực hiện hợp đồng, bà N và anh Tr mới trả được lãi 03 kỳ và gốc 07 kỳ. Sau đó, bà N và anh Tr đã không trả nợ gốc và lãi theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng. Căn cứ vào khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự, đây là những tình tiết, sự kiện mà nguyên đơn không phải chứng minh.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy: Bà N và anh Tr đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ (phương thức trả nợ) theo thỏa thuận tại “Hợp đồng tín dụng vốn lãi chia đều” số 1-0002788 Ngày 22/6/2017. Tuy các bên thỏa thuận thời hạn vay là 24 tháng, nhưng tại điểm i, khoản 5, của “Phụ lục” đính kèm hợp đồng tín dụng nêu trên, các bên đã thỏa thuận: *“Vào bất cứ thời điểm nào, Quỹ tín dụng T có quyền khởi kiện bên vay khi bên vay không trả được một phần hoặc toàn bộ nợ vay (bao gồm nợ gốc, lãi và chi phí liên quan) và/hoặc bên vay vi phạm bất kỳ cam kết nào liên quan đến hợp đồng này”*. Bà N và anh Tr đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi chia đều hàng tháng. Do đó, Quỹ tín dụng được quyền khởi kiện yêu cầu bà N và anh Tr phải thanh toán nợ trước hạn. Căn cứ vào Điều 466 Bộ luật Dân sự 2015 thì bà N và anh Tr có nghĩa vụ liên đới trả cho Quỹ tín dụng nhân dân T số tiền gốc và tiền lãi còn thiếu tính đến ngày xét xử (26/11/2018) với tổng số tiền là 36.466.500 đồng và tiền lãi phát sinh tiếp theo kể từ ngày 27/11/2018 cho đến khi trả hết nợ theo lãi suất được thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng mà các bên đã giao kết vào ngày 22/6/2017. Như vậy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[3] Xét ý kiến của bà N về việc không đồng ý trả tiền lãi do chưa đến hạn thanh toán thì thấy: Như đã phân tích ở trên, tại điểm i, khoản 5, của “Phụ lục” đính kèm hợp đồng tín dụng, các bên đã thỏa thuận Quỹ tín dụng nhân dân T có quyền khởi kiện khi bên vay không trả được một phần hoặc toàn bộ nợ vay; đồng thời trong hợp đồng và phụ lục kèm theo không hề có thỏa thuận nào về việc bên vay không phải trả tiền lãi trong trường hợp này. Do đó, ý kiến của bà N không được chấp nhận.

[4] Xét ý kiến của anh Tr về việc xin Quỹ tín dụng không tính tiền lãi nữa vì hiện tại hoàn cảnh kinh tế của bà N và anh Tr hết sức khó khăn thì thấy: Quỹ tín dụng không đồng ý với đề nghị này của anh Tr; đồng thời, hoàn cảnh kinh tế khó khăn không phải là căn cứ để loại trừ nghĩa vụ trả tiền lãi. Do đó, đề nghị của anh Tr cũng không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26; Điều 147; Điều 266; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463; Điều 466 ; Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Quỹ tín dụng nhân dân T đối với anh Hà Thanh Tr và bà Nguyễn Thị N, về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

Buộc anh Hà Thanh Tr và bà Nguyễn Thị N phải có nghĩa vụ liên đới trả cho Quỹ tín dụng nhân dân T các khoản tiền sau:

- Tổng số tiền nợ tính đến ngày 26/11/2018 là: 36.466.500 đồng (ba mươi sáu triệu bốn trăm sáu mươi sáu nghìn năm trăm đồng); bao gồm:

+ Tiền dư nợ gốc là: 21.309.000 đồng (hai mươi một triệu ba trăm linh chín nghìn đồng);

+ Tiền lãi trễ hạn là: 6.360.000 đồng (sáu triệu ba trăm sáu mươi nghìn đồng);

+ Tiền lãi phạt quá hạn là: 8.797.500 đồng (tám triệu bảy trăm chín mươi bảy nghìn năm trăm đồng).

- Tiền lãi phát sinh tiếp theo tính từ ngày 27/11/2018 cho đến khi anh Hà Thanh Tr và bà Nguyễn Thị N trả hết nợ theo lãi suất mà các bên đã thỏa thuận trong “Hợp đồng tín dụng vốn lãi chia đều” số 1- 0002788 (và Phụ lục kèm theo) được ký kết ngày 22/6/2017 giữa bà Nguyễn Thị N và anh Hà Thanh Tr với Quỹ tín dụng nhân dân T.

Nghĩa vụ liên đới nêu trên của bà Nguyễn Thị N và anh Hà Thanh Tr được chia thành 02 (hai) phần bằng nhau.

2. Về án phí:

- Anh Hà Thanh Tr và bà Nguyễn Thị N phải chịu 1.823.000 đồng (một triệu tám trăm hai mươi ba nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Quỹ tín dụng nhân dân T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả lại cho Quỹ tín dụng nhân dân T số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 817.500 đồng (tám trăm mười bảy nghìn năm trăm đồng), theo biên lai thu số 000879 ngày 23/8/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

Báo cho Quỹ tín dụng nhân dân T biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Bà Nguyễn Thị N và anh Hà Thanh Tr có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án này theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- VKSND tỉnh;
- TAND tỉnh;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Mạnh Dân

Mẫu 52-DS